

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/12/2021

| STT | NOMBAY | Đường bay      | Đi      |        |       | Về      |        |       | Ghi chú                                |
|-----|--------|----------------|---------|--------|-------|---------|--------|-------|----------------------------------------|
|     |        |                | Giờ bay | Người  | Hàng  | Giờ bay | Người  | Hàng  |                                        |
| 1   |        | TTC2+BK15+RP3  | 7:25    | 0+0+18 | 0+0+0 |         | 0+3+19 | 0+0+0 | chuyen 1 TTC2-RP3                      |
| 2   |        | RP1+BK9+RC5    | 7:25    | 15+0+7 | 0+0+0 |         | 8+2+12 | 0+0+0 | chuyen 2 BK9-RC5                       |
| 3   |        | VSP01+P1+P6    | 7:25    | 20+1+0 | 0+0+0 |         | 19+1+0 | 0+0+0 | chuyen 1 vsp01-p6                      |
| 4   |        | RCDM+CTC1+RP1  | 9:25    | 7+1+13 | 0+0+0 |         | 4+1+15 | 0+0+0 | chuyen 2 CTC1-rp1                      |
| 5   |        | RP3+RC6+RP2    | 9:25    | 10+5+6 | 0+0+0 |         | 3+12+6 | 0+0+0 | chuyen 2 RP3-RC6chuyen 1 RC6-RP2       |
| 6   |        | RC4+VSP01+BK4  | 9:25    | 9+8+0  | 0+0+0 |         | 5+7+7  | 0+0+0 |                                        |
| 7   |        | P7+RC3+RP3     | 11:25   | 1+2+15 | 0+0+0 |         | 0+0+22 | 0+0+0 |                                        |
| 8   |        | TD2+BK8+PPD    | 11:25   | 15+0+4 | 0+0+0 |         | 0+0+16 | 0+0+0 | chuyen 3 BK8-PPD                       |
| 9   |        | GTCL+VSP01+P10 | 11:25   | 0+8+0  | 0+0+0 |         | 4+6+1  | 0+0+0 | chuyen 1 GTCL-VSP01, chuyen 7 GTCL-P10 |

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/2 người BK15 về đi CTK3, RC3, 1 người TTC2 chuyển sang RP3 sau đó chuyển RP3-RC6

2/2 người RC6 về bờ đi PPD chuyển cuối, 2 người BK9 về bờ đi PPD và P7



# FLIGHT MANIFEST

|                  |                       |                          |            |
|------------------|-----------------------|--------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | FROM: VT              | AIRCRAFT: 420            | ETD: 07:30 |
| FLIGHT: 01       | TO: TTC2 - BK15 - RP3 | CREW: CHIẾN - Hồi - Toàn | ETA: 09:10 |
| xanh-1           |                       |                          |            |

| No. | PAXNAME             | OBJ | TAG   | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|---------------------|-----|-------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | LÊ TRỌNG LĨNH       | RP3 | 47    | 1   | 5   |       | 70     | KH-THAC | Vietnamese |
| 2   | ĐỖ QUANG TỎ         | RP3 | 50    | 1   | 5   |       | 65     | KH-THAC | Vietnamese |
| 3   | CAO ĐỨC THANH       | RP3 | 44    | 1   | 5   |       | 70     | KH-THAC | Vietnamese |
| 4   | ĐÀO VIỆT HẢI        | RP3 | 41    | 1   | 5   |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 5   | NGUYỄN VĂN HOANG    | RP3 | 51    | 1   | 4   |       | 85     | KH-THAC | Vietnamese |
| 6   | TRẦN QUỐC KIỆM      | RP3 | 52    | 1   | 5   |       | 85     | KH-THAC | Vietnamese |
| 7   | NGUYỄN TRI CHUNG    | RP3 | 49    | 1   | 5   |       | 60     | KH-THAC | Vietnamese |
| 8   | PHAN ANH ĐÔNG       | RP3 | 87-88 | 2   | 15  |       | 80     | KH-THAC | Vietnamese |
| 9   | NGUYỄN HIỀN         | RP3 | 40    | 1   | 5   | 18    | 80     | KH-THAC | Vietnamese |
| 10  | NGUYỄN QUANG NAM    | RP3 | 56    | 1   | 5   | 12    | 67     | KHI     | Vietnamese |
| 11  | TÔN THẮT HOANG QUÂN | RP3 | 55    | 1   | 5   |       | 85     | KHI     | Vietnamese |
| 12  | HỒ TUẤN HÙNG        | RP3 | 48    | 1   | 5   | 40    | 90     | KHI     | Vietnamese |
| 13  | NGUYỄN XUÂN CƯỜNG   | RP3 | 43    | 1   | 5   |       | 65     | KHI     | Vietnamese |
| 14  | VÕ ĐÓN LONG         | RP3 | 54    | 1   | 5   |       | 65     | KHI     | Vietnamese |
| 15  | PHẠM HỒNG LINH      | RP3 | 45    | 1   | 5   |       | 78     | KHI     | Vietnamese |
| 16  | TRẦN VƯƠNG HÙNG     | RP3 | 42    | 1   | 5   |       | 80     | KHI     | Vietnamese |
| 17  | TRẦN VĂN TIẾN       | RP3 | 34    | 1   | 5   |       | 65     | KH-THAC | Vietnamese |
| 18  | TRẦN QUY HẢI        | RP3 | 46    | 1   | 5   |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |       |       | ARRIVAL |       | REMARK                         |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|-------|-------|---------|-------|--------------------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW  | CARGO | PAX     | CARGO |                                |
| 1         | TTC2        | 0         | 0   | 0    | 0     | 40    | 0       | 1     | CHUYEN 01 PAX TU TTC2 SANG RP3 |
| 2         | BK15        | 0         | 0   | 0    | 0     | 20    | 3       |       |                                |
| 3         | RP3         | 18        | 19  | 99   | 1.332 | 70    | 19      |       |                                |
| TOTAL     |             | 18        | 19  | 99   | 1.332 | 130   | 22      |       |                                |
| WEIGHT KG |             |           |     | 99   | 1.332 | 130   |         |       |                                |

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



|                  |                     |                            |            |
|------------------|---------------------|----------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | TO: RP1 - BK9 - RC5 | AIRCRAFT: 426              | ETD: 07:35 |
| FLIGHT: 2        | FROM: VT            | CREW: Hạnh - NPhú - HIẾU - | ETA: 09:15 |
| CAM-1            |                     | Cương                      |            |

| No. | PAXNAME            | OBJ | TAG   | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|--------------------|-----|-------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | LÊ HUY TÂM         | RP1 | 68-69 | 2   | 8   | 50    | 60     | KH-THAC | Vietnamese |
| 2   | ĐÌNH TRƯỜNG PHI    | RP1 | 63    | 1   | 14  |       | 74     | KH-THAC | Vietnamese |
| 3   | TRẦN TUẤN ANH      | RP1 | 62    | 1   | 7   |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 4   | ĐỖ ĐỨC VƯỢNG       | RP1 | 65    | 1   | 5   |       | 89     | KH-THAC | Vietnamese |
| 5   | ĐỖ VĂN THANH       | RP1 | 61    | 1   | 7   |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 6   | NGUYỄN QUANG THÔNG | RP1 | 61    | 1   | 5   |       | 72     | KH-THAC | Vietnamese |
| 7   | NGUYỄN VIỆT BĂNG   | RP1 | 67    | 1   | 10  |       | 70     | KH-THAC | Vietnamese |
| 8   | NGUYỄN VIỆT HÙNG   | RP1 | 60    | 1   | 4   |       | 70     | KH-THAC | Vietnamese |
| 9   | TĂNG THANH DÂN     | RP1 | 64    | 1   | 8   |       | 68     | KH-THAC | Vietnamese |
| 10  | PHAN TRỌNG HIẾU    | RP1 | 66    | 1   | 6   |       | 80     | KH-THAC | Vietnamese |
| 11  | VU PHƯƠNG HUY      | RC5 | 01    | 1   | 8   | 40    | 68     | DK9     | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |      |       | ARRIVAL |       | REMARK                        |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|------|-------|---------|-------|-------------------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW | CARGO | PAX     | CARGO |                               |
| 1         | RP1         | 10        | 11  | 74   | 733  | 50    | 8       |       | CHUYEN 02 PAX TU BK9 SANG RC5 |
| 2         | BK9         | 0         | 0   | 0    | 0    | 30    | 2 + 2   |       |                               |
| 3         | RC5         | 1         | 1   | 8    | 68   | 40    | 8       |       |                               |
| TOTAL     |             | 11        | 12  | 82   | 801  | 70    | 18      |       |                               |
| WEIGHT KG |             |           |     | 82   | 801  | 70    |         |       |                               |

GRAND TOAL: 953 KGS +50

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

|                  |                     |                         |            |
|------------------|---------------------|-------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | FROM: VT            | AIRCRAFT: 427           | ETD: 07:40 |
| FLIGHT: 3        | TO: VSP01 - P1 - P6 | CREW: HUNG - Mạnh - THỤ | ETA: 09:20 |
| VANG-1           |                     |                         |            |

| No. | PAXNAME            | OBJ   | TAG     | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|--------------------|-------|---------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | GRICHENKOV Y.V     | VSP01 | 82      | 1   | 10  |       | 89     | KH-THAC | Russian    |
| 2   | BORVINSKY A.A      | VSP01 | 54      | 1   | 10  |       | 89     | KH-THAC | Russian    |
| 3   | ĐẶNG ĐỨC ANH       | VSP01 | 43      | 1   | 5   |       | 68     | KH-THAC | Vietnamese |
| 4   | PHẠM VĂN ĐỨC       | VSP01 | 81      | 1   | 5   |       | 66     | KH-THAC | Vietnamese |
| 5   | VÕ QUANG HUY       | VSP01 | 46-47   | 2   | 17  |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 6   | PHAN VĂN SƠN       | VSP01 | 95      | 1   | 5   |       | 71     | KH-THAC | Vietnamese |
| 7   | NGUYỄN THANH TÙNG  | VSP01 | 96      | 1   | 5   |       | 73     | KH-THAC | Vietnamese |
| 8   | NGÔ XUÂN ĐỨC       | VSP01 | 98      | 1   | 5   |       | 71     | KH-THAC | Vietnamese |
| 9   | TRẦN VĂN THUY      | VSP01 | 45      | 1   | 5   |       | 61     | KH-THAC | Vietnamese |
| 10  | PHAN VĂN TRƯỞNG    | VSP01 | 44      | 1   | 10  |       | 58     | KH-THAC | Vietnamese |
| 11  | TRINH TIEN BINH    | VSP01 | 48      | 1   | 10  | 55    | 93     | KH-THAC | Vietnamese |
| 12  | PHAN THANH HA      | VSP01 | 97      | 1   | 5   |       | 65     | KH-THAC | Vietnamese |
| 13  | NGUYỄN TRUNG CƯỜNG | VSP01 | 395-396 | 2   | 14  |       | 70     | ANTOAN  | Vietnamese |
| 14  | LÊ HUY TÂN         | VSP01 | 397-398 | 2   | 18  | 7     | 65     | YTE     | Vietnamese |
| 15  | TRẦN VĂN CHÂU      | VSP01 | 94      | 1   | 3   |       | 60     | KH-THAC | Vietnamese |
| 16  | NGUYỄN ĐỨC THIÊN   | VSP01 | 80      | 1   | 7   |       | 63     | KH-THAC | Vietnamese |
| 17  | PHẠM HOÀNG THANH   | VSP01 | 41      | 1   | 4   |       | 68     | KH-THAC | Vietnamese |
| 18  | NGUYỄN VĂN THANH   | VSP01 | 42      | 1   | 5   |       | 76     | KH-THAC | Vietnamese |
| 19  | LÊ THANH TUÂN      | VSP01 | 79      | 1   | 10  |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 20  | NGUYỄN TRỌNG NAM   | VSP01 | 400     | 1   | 6   |       | 87     | KH-THAC | Vietnamese |
| 21  | VŨ XUÂN QUÝ        | P1    | 68      | 1   | 10  | 15    | 97     | KH-THAC | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |       |       | ARRIVAL |       | REMARK                              |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|-------|-------|---------|-------|-------------------------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW  | CARGO | PAX     | CARGO |                                     |
| 1         | VSP01       | 20        | 23  | 159  | 1.443 | 62    | 19+     | 1     | CHUYEN 01 KHACH TU<br>VSP01 SANG P6 |
| 2         | P1          | 1         | 1   | 10   | 97    | 15    | 1       |       |                                     |
| 3         | P6          | 0         | 0   | 0    | 0     | 0     | 0       |       |                                     |
| TOTAL     |             | 21        | 24  | 169  | 1.540 | 77    | 20      |       |                                     |
| WEIGHT KG |             |           |     | 169  | 1.540 | 77    |         |       |                                     |

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

# FLIGHT MANIFEST

|                  |                       |                          |            |
|------------------|-----------------------|--------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | TO: RCDM - CTC1 - RP1 | AIRCRAFT: 420            | ETD: 09:40 |
| FLIGHT: 4        | FROM: VT              | CREW: CHIẾN - Hồi - Toan | ETA: 11:20 |
| XANH-2           |                       |                          |            |

| No. | PAX.NAME          | OBJ  | TAG   | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|-------------------|------|-------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | HUYNH MINH TRI    | RCDM | 68    | 1   | 5   |       | 55     | KH-THAC | Vietnamese |
| 2   | VÔ VĂN THANH      | RCDM | 12    | 1   | 5   |       | 67     | PSV     | Vietnamese |
| 3   | VU MINH PHUONG    | RCDM |       |     |     | 30    | 75     | NHATHAU | Vietnamese |
| 4   | LÊ VIỆT PHONG     | RCDM | 74,67 | 2   | 15  |       | 60     | NHATHAU | Vietnamese |
| 5   | NGUYỄN CÔNG KHANH | RCDM | 69    | 1   | 10  |       | 80     | DK9     | Vietnamese |
| 6   | BUI VĂN QUỐC      | CTCI | 07    | 1   | 5   | 40    | 59     | GETRACO | Vietnamese |
| 7   | NINH VĂN SƠN      | RP1  | 33-34 | 2   | 15  |       | 75     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 8   | PHẠM VĂN TUÂN     | RP1  | 35-36 | 2   | 8   |       | 60     | T-TIN   | Vietnamese |
| 9   | NGUYỄN VIỆT DUNG  | RP1  | 44    | 1   | 3   |       | 77     | PSV     | Vietnamese |
| 10  | NGUYỄN ĐỨC THẮNG  | RP1  | 39    | 1   | 5   |       | 100    | PSV     | Vietnamese |
| 11  | LÊ VĂN QUÝ        | RP1  | 42    | 1   | 7   |       | 73     | PSV     | Vietnamese |
| 12  | NGUYỄN HỮU NHAN   | RP1  | 43    | 1   | 6   |       | 72     | PSV     | Vietnamese |
| 13  | NGUYỄN XUÂN HUÂN  | RP1  | 38    | 1   | 5   |       | 74     | PSV     | Vietnamese |
| 14  | HA QUỐC VINH      | RP1  | 37    | 1   | 5   |       | 70     | PSV     | Vietnamese |
| 15  | QUÁCH VĂN THAO    | RP1  | 40-41 | 2   | 10  |       | 75     | YTE     | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |       |       | ARRIVAL |       | REMARK                |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|-------|-------|---------|-------|-----------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW  | CARGO | PAX     | CARGO |                       |
| 1         | RCDM        | 5         | 5   | 35   | 337   | 30    | 2       |       | CHUYEN 2 PAX CTC1-RP1 |
| 2         | CTCI        | 1         | 1   | 5    | 59    | 40    | 1       | 2     |                       |
| 3         | RP1         | 9         | 12  | 64   | 676   | 0     | 10      |       |                       |
| TOTAL     |             | 15        | 18  | 104  | 1.072 | 70    | 13      |       |                       |
| WEIGHT KG |             |           |     | 104  | 1.072 | 70    |         |       |                       |

GRAND TOAL:

1.246 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



|                  |                     |                                  |            |
|------------------|---------------------|----------------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | FROM: VT            | AIRCRAFT: 426                    | ETD: 09:45 |
| FLIGHT: 5        | TO: RP3 - RC6 - RP2 | CREW: Hạnh - NPhú - HIẾU - Cường | ETA: 11:25 |
| CAM-2            |                     |                                  |            |

| No. | PAXNAME                 | OBJ | TAG   | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|-------------------------|-----|-------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | HOANG VAN HOI           | RP3 | 23    | 1   | 5   |       | 64     | KH-THAC | Vietnamese |
| 2   | PHAM VAN DONG           | RP3 | 29    | 1   | 5   | 30    | 70     | KH-THAC | Vietnamese |
| 3   | NGUYEN THANH TUNG       | RP3 | 22    | 1   | 7   |       | 63     | KH-THAC | Vietnamese |
| 4   | DUONG CHUNG THUY        | RP3 | 31    | 1   | 10  |       | 64     | KH-THAC | Vietnamese |
| 5   | TRAN SY DIEP            | RP3 | 32    | 1   | 10  |       | 80     | KH-THAC | Vietnamese |
| 6   | BUI DUC THUAN           | RP3 | 21    | 1   | 5   |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |
| 7   | ĐẶNG HAI HA             | RP3 | 28    | 1   | 7   |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |
| 8   | LÊ CÔNG HÙNG            | RP3 | 27    | 1   | 5   |       | 74     | KH-THAC | Vietnamese |
| 9   | NGUYEN HUU MAU          | RP3 | 26    | 1   | 5   |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |
| 10  | VÔ THANH LAM            | RP3 | 24-25 | 2   | 13  |       | 62     | KH-THAC | Vietnamese |
| 11  | NGUYEN VIET THANH 73*** | RC6 | 29    | 1   | 4   |       | 73     | KH-THAC | Vietnamese |
| 12  | KIEU MINH QUYET         | RC6 | 40    | 1   | 5   | 60    | 67     | PSV     | Vietnamese |
| 13  | NGUYEN VAN TINH         | RC6 | 41    | 1   | 6   |       | 67     | DK9     | Vietnamese |
| 14  | NGUYEN KHAC SANG        | RP2 | 89    | 1   | 7   |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |
| 15  | NGUYEN VIET HUNG        | RP2 | 88    | 1   | 7   | 40    | 78     | KH-THAC | Vietnamese |
| 16  | ĐOÀN VĂN THIÊM          | RP2 | 90-91 | 2   | 11  |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |
| 17  | ĐOÀN MINH TUÂN          | RP2 | 92-93 | 2   | 20  |       | 64     | CODIEN  | Vietnamese |
| 18  | HOANG VAN TRUNG         | RP2 | 86-87 | 2   | 13  |       | 70     | YTE     | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |       |       | ARRIVAL |       | REMARK               |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|-------|-------|---------|-------|----------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW  | CARGO | PAX     | CARGO |                      |
| 1         | RP3         | 10        | 11  | 72   | 678   | 30    | 5 + 2   |       | CHUYEN 2 PAX RP3-RC6 |
| 2         | RC6         | 3         | 3   | 15   | 207   | 60    | 10 + 1  |       | CHUYEN 1 PAX RC6-RP2 |
| 3         | RP2         | 5         | 8   | 58   | 346   | 40    | 6       |       |                      |
| TOTAL     |             | 18        | 22  | 145  | 1.231 | 130   | 21      |       |                      |
| WEIGHT KG |             |           |     | 145  | 1.231 | 130   |         |       |                      |

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



|                  |                       |                         |            |
|------------------|-----------------------|-------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | TO: RC4 - VSP01 - BK4 | AIRCRAFT: 427           | ETD: 09:50 |
| FLIGHT: 6        | FROM: VT              | CREW: HUNG - Mạnh - THỤ | ETA: 11:30 |
| HONG-2           |                       |                         |            |

| No. | PAXNAME          | OBJ   | TAG | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|------------------|-------|-----|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | NGUYEN DINH THAM | RC4   | 41  | 1   | 9   |       | 73     | KH-THAC | Vietnamese |
| 2   | NGUYEN VAN NANG  | RC4   | 40  | 1   | 8   |       | 81     | KH-THAC | Vietnamese |
| 3   | MAI VAN TUONG    | RC4   | 39  | 1   | 5   | 60    | 66     | PSV     | Vietnamese |
| 4   | LE HAI HOA       | RC4   | 42  | 1   | 11  |       | 83     | DK9     | Vietnamese |
| 5   | NGUYEN DUY DONG  | VSP01 | 91  | 1   | 6   |       | 71     | KH-THAC | Vietnamese |
| 6   | PHAN THANH LOI   | VSP01 | 98  | 1   | 3   |       | 81     | KH-THAC | Vietnamese |
| 7   | DO DINH VAN      | VSP01 | 90  | 1   | 4   |       | 69     | KH-THAC | Vietnamese |
| 8   | NGUYEN HUU TOAN  | VSP01 | 89  | 1   | 6   |       | 78     | KH-THAC | Vietnamese |
| 9   | NGUYEN QUOC TUAN | VSP01 | 24  | 1   | 7   |       | 70     | KH-THAC | Vietnamese |
| 10  | NGUYEN XUAN THUY | VSP01 | 23  | 1   | 4   |       | 67     | KH-THAC | Vietnamese |
| 11  | NGUYEN VAN NGHIA | VSP01 | 92  | 1   | 3   |       | 78     | KH-THAC | Vietnamese |
| 12  | VU HAI DANG      | VSP01 | 97  | 1   | 8   |       | 79     | KH-THAC | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |      |       | ARRIVAL |       | REMARK |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|------|-------|---------|-------|--------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW | CARGO | PAX     | CARGO |        |
| 1         | RC4         | 4         | 4   | 33   | 303  | 60    | 1       |       |        |
| 2         | VSP01       | 8         | 8   | 41   | 593  | 0     | 7       |       |        |
| 3         | BK4         | 0         | 0   | 0    | 0    | 20    | 7       |       |        |
| TOTAL     |             | 12        | 12  | 74   | 896  | 80    | 15      |       |        |
| WEIGHT KG |             |           |     | 74   | 896  | 80    |         |       |        |

GRAND TOAL: 1.050 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



|                  |                    |                            |            |
|------------------|--------------------|----------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | TO: P7 - RC3 - RP3 | AIRCRAFT: 420              | ETD: 11:50 |
| FLIGHT: 7        | FROM: VT           | CREW: Phong - XTrường - Vũ | ETA: 13:30 |
| TRANG-3          |                    |                            |            |

| No. | PAXNAME            | OBJ | TAG     | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|--------------------|-----|---------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | HÀ VAN CẢNH        | P7  | 47-48   | 2   | 18  |       | 65     | KH-THAC | Vietnamese |
| 2   | NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG | RC3 |         |     |     |       | 80     | CODIEN  | Vietnamese |
| 3   | ĐO QUỐC THANH MINH | RC3 |         |     |     | 116   | 90     | CODIEN  | Vietnamese |
| 4   | PHẠM QUỐC CHẾ      | RP3 | 56      | 1   | 3   |       | 63     | KH-THAC | Vietnamese |
| 5   | HUYNH TÂN NGON     | RP3 | 54      | 1   | 3   |       | 73     | KH-THAC | Vietnamese |
| 6   | NGUYỄN THANH BÌNH  | RP3 | 51      | 1   | 5   |       | 74     | KH-THAC | Vietnamese |
| 7   | NGUYỄN ĐÌNH HỘ     | RP3 | 52      | 1   | 5   |       | 66     | KH-THAC | Vietnamese |
| 8   | PHẠM DUY NHIÊN     | RP3 | 53      | 1   | 5   |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 9   | NGUYỄN DOAN ĐỨC    | RP3 | 700     | 1   | 10  |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 10  | VŨ CHI KIẾN        | RP3 | 61      | 1   | 10  |       | 75     | KH-THAC | Vietnamese |
| 11  | PHAN TIẾN ĐẠT      | RP3 | 552-554 | 3   | 18  |       | 84     | KH-THAC | Vietnamese |
| 12  | HOANG SY THAP      | RP3 | 59      | 1   | 5   |       | 86     | PSV     | Vietnamese |
| 13  | PHẠM NGỌC CHI      | RP3 | 60      | 1   | 6   |       | 60     | PSV     | Vietnamese |
| 14  | TRẦN BA MẬU        | RP3 | 58      | 1   | 5   |       | 65     | PSV     | Vietnamese |
| 15  | BUI QUỐC DƯƠNG     | RP3 | 57      | 1   | 6   | 20    | 54     | PSV     | Vietnamese |
| 16  | PHAN SY CAO        | RP3 | 551     | 1   | 3   |       | 65     | PSV     | Vietnamese |
| 17  | VUÔNG ĐỨC HUY      | RP3 | 55      | 1   | 16  |       | 70     | PSV     | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |       |       | ARRIVAL |       | REMARK |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|-------|-------|---------|-------|--------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW  | CARGO | PAX     | CARGO |        |
| 1         | P7          | 1         | 2   | 18   | 65    | 0     | 0       |       |        |
| 2         | RC3         | 2         | 0   | 0    | 170   | 116   | 0       |       |        |
| 3         | RP3         | 14        | 16  | 100  | 985   | 20    | 20      |       |        |
| TOTAL     |             | 17        | 18  | 118  | 1.220 | 136   | 20      |       |        |
| WEIGHT KG |             |           |     | 118  | 1.220 | 136   |         |       |        |

GRAND TOAL: 1.474 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



|                  |                     |                         |            |
|------------------|---------------------|-------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | TO: TD2 - BK8 - PPD | AIRCRAFT: 426           | ETD: 11:55 |
| FLIGHT: 8        | FROM: VT            | CREW: Hạnh - VLin - Huy | ETA: 13:35 |
| VANG-3           |                     |                         |            |

| No. | PAX.NAME            | OBJ | TAG     | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|---------------------|-----|---------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | LÊ TRƯỜNG LÂM       | TD2 | 40      | 1   | 5   |       | 65     | KHOAN   | Vietnamese |
| 2   | NGÔ THANH NAM       | TD2 | 434-435 | 2   | 17  |       | 72     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 3   | BUI VĂN DUNG        | TD2 | 438-439 | 2   | 17  |       | 75     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 4   | TRẦN XUÂN THAO      | TD2 | 25-26   | 2   | 17  |       | 70     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 5   | QUÁCH HẢI HÙNG      | TD2 | 32-33   | 2   | 15  |       | 65     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 6   | LÊ SỸ HUỆ           | TD2 | 45,31   | 2   | 17  |       | 63     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 7   | ĐẶNG VĂN DÂN        | TD2 | 44      | 1   | 10  |       | 65     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 8   | LẠI VĂN MẠNH        | TD2 | 29-30   | 2   | 15  |       | 65     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 9   | NGUYỄN THANH NAM    | TD2 | 41-42   | 2   | 10  |       | 70     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 10  | PHẠM VĂN ĐỊNH       | TD2 | 43      | 1   | 5   |       | 75     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 11  | TRẦN XUÂN TRƯỜNG    | TD2 | 432-433 | 2   | 12  |       | 80     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 12  | BUI THANH LONG      | TD2 | 38-39   | 2   | 15  |       | 70     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 13  | TRẦN XUÂN LỘC       | TD2 | 27-28   | 2   | 17  |       | 67     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 14  | CAO VĂN GIÁP        | TD2 | 436-437 | 2   | 17  |       | 80     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 15  | DƯƠNG VĂN TUẤN      | TD2 | 431     | 1   | 17  |       | 65     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 16  | DƯƠNG TRƯỜNG LÂM    | PPD | 75      | 1   | 10  |       | 65     | KHI     | Vietnamese |
| 17  | HOÀNG TRONG PHÚC ** | PPD | 74      | 1   | 10  |       | 65     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 18  | NG MANH HIEN **     | PPD | 72-73   | 2   | 17  |       | 70     | XAYLAP  | Vietnamese |
| 19  | TRẦN QUANG PHÚ      | PPD | 70-71   | 2   | 12  |       | 65     | DK9     | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |       |       | ARRIVAL |       | REMARK               |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|-------|-------|---------|-------|----------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW  | CARGO | PAX     | CARGO |                      |
| 1         | TD2         | 15        | 26  | 206  | 1.047 | 0     | 1       |       | CHUYEN 3 PAX BK8-PPD |
| 2         | BK8         | 0         | 0   | 0    | 0     | 0     | 0       | 3     |                      |
| 3         | PPD         | 4         | 6   | 49   | 265   | 0     | 19      |       |                      |
| TOTAL     |             | 19        | 32  | 255  | 1.312 | 0     | 20      |       |                      |
| WEIGHT KG |             |           |     | 255  | 1.312 | 0     |         |       |                      |

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



|                  |                        |                               |            |
|------------------|------------------------|-------------------------------|------------|
| DATE: 17/12/2021 | TO: GTC1 - VSP01 - P10 | AIRCRAFT: 427                 | ETD: 12:00 |
| FLIGHT: 9        | FROM: VT               | CREW: TTrung - ĐNam - QTrưởng | ETA: 13:40 |
| NAU-3            |                        |                               |            |

| No. | PAXNAME           | OBJ   | TAG   | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|-------------------|-------|-------|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | VŨ ANH MINH       | VSP01 | 29-30 | 2   | 15  | 10    | 80     | T-TIN   | Vietnamese |
| 2   | CAO KINH THAO     | VSP01 | 35-36 | 2   | 18  |       | 72     | T-TIN   | Vietnamese |
| 3   | NGUYỄN ĐỨC THƯƠNG | VSP01 | 28    | 1   | 5   |       | 60     | PSV     | Vietnamese |
| 4   | VŨ VĂN ĐIỆP       | VSP01 | 25    | 1   | 5   |       | 70     | PSV     | Vietnamese |
| 5   | DƯƠNG BA HUNG     | VSP01 |       |     |     |       | 77     | PSV     | Vietnamese |
| 6   | HA THE BINH       | VSP01 | 26    | 1   | 4   |       | 68     | PSV     | Vietnamese |
| 7   | LE XUAN HA        | VSP01 | 27    | 1   | 5   |       | 60     | PSV     | Vietnamese |
| 8   | ĐẶNG BÌNH TÂM     | VSP01 | 34    | 1   | 6   |       | 60     | PSV     | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |      |       | ARRIVAL |       | REMARK                                             |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|------|-------|---------|-------|----------------------------------------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW | CARGO | PAX     | CARGO |                                                    |
| 1         | GTC1        | 0         | 0   | 0    | 0    | 40    | 4       | 8     | CHUYEN 1 PAX<br>GTC1-VSP01 CHUYEN<br>7PAX GTC1-P10 |
| 2         | VSP01       | 8         | 9   | 58   | 547  | 10    | 6       |       |                                                    |
| 3         | P10         | 0         | 0   | 0    | 0    | 0     | 1       |       |                                                    |
| TOTAL     |             | 8         | 9   | 58   | 547  | 50    | 11      |       |                                                    |
| WEIGHT KG |             |           |     | 58   | 547  | 50    |         |       |                                                    |

GRAND TOAL: 655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/12/2021

| STT | NOMBAY | Đường bay | Đi      |       |      | Về      |       |      | Ghi chú                      |
|-----|--------|-----------|---------|-------|------|---------|-------|------|------------------------------|
|     |        |           | Giờ bay | Người | Hàng | Giờ bay | Người | Hàng |                              |
| 1   |        | RC5+T.UNG | 7:25    | 0+4   | 0+0  |         | 0+4   | 0+0  | chuyen 2 pax<br>rc5 sang TNG |

TTDBSX



# FLIGHT MANIFEST



|                  |                 |                    |            |
|------------------|-----------------|--------------------|------------|
| DATE: 18/12/2021 | TO: RC5 - T.UNG | AIRCRAFT: 616      | ETD: 07:30 |
| FLIGHT: 01       | FROM: VT        | CREW: HHai - ATUÁN | ETA: 10:40 |
| XANH-1           |                 |                    |            |

| No. | PAXNAME          | OBJ   | TAG | PCS | BAG | CARGO | PAX W. | COMPANY | NATION     |
|-----|------------------|-------|-----|-----|-----|-------|--------|---------|------------|
| 1   | NGO DUY KHIEM    | T.UNG | 43  | 1   | 8   |       | 66     | Y TE    | Vietnamese |
| 2   | NGUYEN NGOC CHAN | T.UNG | 44  | 1   | 7   | 40    | 75     | KH THAC | Vietnamese |
| 3   | PHAM VIET TUNG   | T.UNG |     |     |     |       | 76     | KH THAC | Vietnamese |
| 4   | PHAM VAN THI     | T.UNG |     |     |     |       | 75     | KH THAC | Vietnamese |

## FLIGHT PLAN

| No.       | DESTINATION | DEPARTURE |     |      |      |       | ARRIVAL |       | REMARK                      |
|-----------|-------------|-----------|-----|------|------|-------|---------|-------|-----------------------------|
|           |             | PAX       | PCS | BAG. | PAXW | CARGO | PAX     | CARGO |                             |
| 1         | RC5         | 0         | 0   | 0    | 0    | 0     | 0       | 2     | CHUYEN 2 PAX RC5 SANG T.UNG |
| 2         | T.UNG       | 4         | 2   | 15   | 292  | 40    | 4       |       |                             |
| TOTAL     |             | 4         | 2   | 15   | 292  | 40    | 4       |       |                             |
| WEIGHT KG |             |           |     | 15   | 292  | 40    |         |       |                             |

GRAND TOAL:

347 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN